

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 331/2022/HS-PT

Ngày 26 tháng 8 năm 2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quyên

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Lệ Trang

Ông Dương Lê Bửu Thiện

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Tổng Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 259/2022/TLPT-HS ngày 12 tháng 7 năm 2022, đối với bị cáo Phan Thạch T do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 84/2022/HS-ST ngày 01/06/2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Bị cáo có kháng cáo:

Phan Thạch T, sinh năm 1993 tại Bà Rịa – Vũng Tàu; Nơi cư trú: Ấp Cầu Mới, xã S, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phan Văn T và bà Nguyễn Thị A; Có vợ Lữ Thanh K, sinh năm 1997 và 02 con, lớn sinh năm 2020, nhỏ sinh năm 2022; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ từ ngày 02/02/2021 đến ngày 07/4/2021 được hủy bỏ biện pháp tạm giam theo Quyết định số 07/QĐ-VKS ngày 07/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

Trong vụ án còn có bị cáo Nguyễn Minh T, Lê Quốc T1, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị; Toà án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH thương mại dịch vụ vận tải G (gọi tắt là: Công ty G), địa chỉ khu phố Q, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ký kết hợp đồng vận chuyển lúa mì cho Công ty TNHH I Việt Nam (gọi tắt là: Công ty I), địa chỉ khu công nghiệp C, phường Tân Phước, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Theo đó, Công ty G có trách nhiệm vận chuyển lúa mì từ Công ty I đến giao tại Công ty trách nhiệm hữu hạn chế biến thực phẩm thương mại P (gọi tắt là: Công ty P), địa chỉ khu công nghiệp N II – Nhơn Phú, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Nguyễn Văn M và Phan Thạch T là tài xế của Công ty G.

Ngày 23/3/2019, M bận công việc nên điện thoại thuê Lê Quốc T1 (là tài xế chạy theo thời vụ) thay M lái xe chở lúa mì đến Công ty P, M trả công cho T1 800.000 đồng/ngày. Lúc 20 giờ ngày 23/3/2019, T1 điều khiển xe ô tô biển số 72C-123.97 chở lúa mì từ Công ty I đến Công ty P thì gặp Nguyễn Minh T là nhân viên của Công ty I được cử đến làm việc tại trạm cân Công ty P. Tại đây, T rủ T1 bán trộm lúa mì lấy tiền chia nhau tiêu xài, T1 đồng ý. T dặn T1 quá trình chở lúa mì nếu bán được thì cứ bán, sau đó điện thoại cho T để T sắp xếp ở cầu cân, tiền bán lúa mì thỏa thuận chia đôi. Sau khi bàn bạc xong, T1 điều khiển xe ô tô trên về Cảng C gặp một người đàn ông (không rõ tên tuổi địa chỉ) thỏa thuận bán lúa mì cho người này với giá 3.500 đồng/kg, địa điểm giao lúa mì là Ngã ba N thuộc xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Lúc 20 giờ ngày 24/3/2019, sau khi nhận 22.120 kg lúa mì từ kho của Công ty I, T1 điều khiển xe ô tô biển số 72C-123.97 chở lúa mì đến N thì có 01 người đàn ông (không rõ tên tuổi, địa chỉ cụ thể) điều khiển xe mô tô dẫn T1 đến bãi xe “Nguyễn Thắng” ở ấp Xóm Góc, xã L, huyện L. Tại đây, T1 bán 21.100 kg lúa mì cho người đàn ông này với giá 70.000.000 đồng (hẹn hôm sau trả tiền) rồi điện thoại báo cho T biết, đồng thời T1 điều khiển xe cùng số lúa mì còn lại trên xe đến Công ty P. Lúc này, có xe ô tô biển số 72C-112.74 đến trạm cân, T ghi nhận vào hệ thống dữ liệu cân lần 01 là 40.460 kg (gồm cả trọng lượng xe), T yêu cầu tài xế xe 72C-112.74 cho xe lên cân lần 02 và tiếp tục ghi nhận vào hệ thống dữ liệu cân là 40.460 kg, nhằm mục đích sử dụng một lần cân của xe này để ghi nhận vào dữ liệu khi cân xe của T1. Tiếp đó, T kêu T1 điều khiển xe ô tô 72C-123.97 lên cầu cân nhưng T không ghi nhận trọng lượng vào hệ thống dữ liệu mà sử dụng dữ liệu cân lần 01 của xe ô tô 72C-112.74 để ghi nhận cho xe T1. Sau đó, T1 vẫn điều khiển xe vào khu vực xuống hàng, nhưng thực tế trọng lượng lúa mì mà T1 giao cho Công ty P chỉ còn 1.020 kg. Như vậy, trong lượng lúa mì mà T1 và T đã trộm cắp của Công ty I là 21.100 kg. Đến ngày 25/3/2019, T1 gặp người đàn ông mua lúa mì và nhận số tiền 70.000.000 đồng, số tiền này T1 và T chia nhau mỗi người 35.000.000 đồng.

Lúc 19 giờ ngày 26/3/2019, T1 gọi điện thoại cho Phan Thạch T rủ T cùng trộm cắp lúa mì với thủ đoạn như trên, T đồng ý. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, sau khi nhận 20.390 kg lúa mì từ kho của Công ty I, T điều khiển xe ô tô biển số 72C-139.95 kéo theo Rơ-mooc 72R-018.58 chở lúa mì đến đón T1 tại siêu thị P thuộc phường Mỹ Xuân, thị xã P. Sau đó, T1 nói T điều khiển xe đến bãi xe Nguyễn Thắng ở ấp Xóm Gốc, xã L, huyện L bán 20.390 kg lúa mì cho người đàn ông hôm trước với số tiền 70.400.000 đồng. Sau đó, T điều khiển xe cùng T1 đến trạm cân gập T. Bằng thủ đoạn tương tự, T cho xe T vào trạm cân nhưng không ghi dữ liệu vào hệ thống cân mà sử dụng trọng lượng của xe sau biển số 72C-084.95 để ghi nhận trọng lượng xe T, chiếm đoạt của Công ty I 20.390 kg lúa mì. Số tiền 70.400.000 đồng có được từ việc trộm cắp lúa mì, T1 chia cho T 30.000.000 đồng, T 35.000.000 đồng, còn T1 5.400.000 đồng.

Từ ngày 29/3/2019 đến ngày 31/3/2019, Nguyễn Minh T, Phan Thạch T và Lê Quốc T1 đến Đoàn Công an khu công nghiệp N đầu thú, Đoàn Công an khu công nghiệp N lập hồ sơ chuyển đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L giải quyết theo thẩm quyền.

Tại kết luận định giá tài sản tố tụng hình sự số 88/KL-HĐĐGTS ngày 06/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện L kết luận: 21.100 kg lúa mì (lúa mì rời Paraguay) trị giá 154.051.100 đồng; 20.390 kg lúa mì (lúa mì rời Paraguay) trị giá 145.788.500 đồng.

Tại bản án số: 84/2022/HSST ngày 01/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện L đã áp dụng áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 47 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Phan Thạch T 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Ngoài ra bản án còn tuyên phạt bị cáo Nguyễn Minh T 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù; bị cáo Lê Quốc T1 07 (bảy) năm tù, tuyên về bồi thường dân sự, án phí, xử lý vật chứng và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 10/6/2022, bị cáo Phan Thạch T có đơn kháng cáo xin hưởng án treo do gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, có 02 con còn nhỏ, bị cáo là lao động chính trong gia đình.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa:

Tại phiên tòa bị cáo Phan Thạch T thừa nhận T1 bộ hành vi phạm tội. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” và áp dụng c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 47 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo 03 năm tù là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, phù hợp với tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo kháng cáo xin hưởng án treo, bị cáo cung cấp các tình tiết giảm nhẹ mới là lao động chính trong gia đình, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, một mình bị cáo phải nuôi

vợ và 02 con đang còn nhỏ. Xét bị cáo phạm tội lần đầu, giữ vai trò thấp nhất trong vụ án, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, tự nguyện bồi thường gần hết số tiền 03 bị cáo chiếm đoạt, thật thà khai báo, ăn năn hối cải, là lao động chính trong gia đình, hoàn cảnh gia đình khó khăn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm, chuyển sang hình phạt tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách buộc bị cáo chấp hành cũng đủ tính răn đe, giáo dục, phòng ngừa tội phạm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo Phan Thạch T làm trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa, bị cáo Phan Thạch T khai nhận T1 bộ hành vi phạm tội như nội dung của bản án sơ thẩm đã nêu thể hiện: Sau khi được T rủ T1 thực hiện hành vi trộm cắp thì T1 rủ T và được T đồng ý. Lúc 19 giờ ngày 26/3/2019, T, T1 và T lên lút trộm cắp 20.390 kg lúa mì của Công ty I thuê Công ty G vận chuyển đến Công ty P có trị giá 145.788.500 đồng.

Như vậy, hành vi của bị cáo Phan Thạch T phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” theo c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Bản án sơ thẩm xét xử bị cáo tội danh trên là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về nội dung kháng cáo: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo xin hưởng án treo. Hội đồng xét xử xét thấy:

Cấp sơ thẩm đã xác định bị cáo tham gia với vai trò giúp sức, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường cho bị hại, sau khi phạm tội bị cáo ra đầu thú, tại phiên tòa sơ thẩm bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, từ đó xử phạt bị cáo 03 (năm) tù là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, phù hợp với tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử bị cáo cung cấp cho hội đồng xét xử 01 đơn có xác nhận của địa phương thể hiện: Bản thân là lao động duy nhất trong gia đình, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, hiện bị cáo phải nuôi vợ và 02 con nhỏ. Đây là tình tiết mới được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét thấy, trong vụ án này bị cáo tham gia với vai trò giúp sức, giữ vai trò thấp nhất trong vụ án, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội bị cáo ra đầu thú, bị cáo cùng T1, T chiếm đoạt số tiền 145.788.500 đồng nhưng bị cáo tự nguyện bồi thường 134.595.000 đồng gần T1 bộ tài sản chiếm đoạt, tại phiên tòa sơ thẩm bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, trong thời gian được tại ngoại chấp hành tốt chủ trương chính sách pháp luật của nhà nước, lại có công việc làm ổn định, có nơi cư trú ổn định. Do bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Căn cứ Điều 65 Bộ luật Hình sự;

Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Xét thấy, không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo thường trú quản lý, giám sát giáo dục là cũng đủ nghiêm, thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật đối với người đã biết ăn năn, hối cải. Do đó, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm, xem xét chuyển sang hình phạt tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách buộc bị cáo chấp hành.

[4] Về án phí: Kháng cáo của bị cáo được chấp nhận, nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm số 84/2022/HSST, ngày 01/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện L.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 47 và Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

2. Xử phạt bị cáo: Phan Thạch T 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Phan Thạch T cho Ủy ban nhân dân thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 87 và khoản 1 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Bị cáo bị xét xử về tội “*Trộm cắp tài sản*”

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân huyện L (2);
- Viện kiểm sát nhân dân huyện L;
- Công an huyện L;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Phòng hồ sơ - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.
- Bị cáo; UBND thị xã P.
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự, Văn phòng và Thẩm phán (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Quyên